

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Lê Hồng Thái	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Nguyễn Tín Dân	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
Bà Nguyễn Thị Nghiệp	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Trịnh Xuân Sơn	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Trần Hữu Hiếu	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
<u>Ban điều hành, quản lý</u>			
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Mai Quang Cường	Kế toán trưởng	21 tháng 4 năm 2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 21 tháng 02 năm 2019, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HAI - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.145.817.043	23.577.322.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.912.358.639	14.300.329.460
1. Tiền	111		62.358.639	100.329.460
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.850.000.000	14.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	3.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.000.000.000	3.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.233.224.122	5.492.845.966
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.101.673.848	5.389.768.263
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.990.000	69.990.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	61.560.274	31.096.389
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	1.991.314
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		234.282	284.147.515
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	234.282	284.147.515
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.551.840.718	158.425.612.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		152.709.502.319	157.853.852.330
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	152.709.502.319	157.853.852.330
Nguyên giá	222		182.831.544.976	182.831.544.976
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.122.042.657)	(24.977.692.646)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		333.044.664	569.389.847
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	333.044.664	569.389.847
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.509.293.735	2.370.691
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	9.509.293.735	2.370.691
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		179.697.657.761	182.002.935.809

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.856.452.553	35.471.932.213
I. Nợ ngắn hạn	310		19.365.990.156	14.381.469.816
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.299.368.317	36.420.229
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	980.732.844	1.019.954.817
3. Phải trả người lao động	314		159.055.424	156.738.909
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.437.560.727	114.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	103.863.203	86.040.309
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	13.600.000.000	12.400.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	785.409.641	568.315.552
II. Nợ dài hạn	330		7.490.462.397	21.090.462.397
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	7.190.462.397	20.790.462.397
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		152.841.205.208	146.531.003.596
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	152.841.205.208	146.531.003.596
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.922.750.000	107.922.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>107.922.750.000</i>	<i>107.922.750.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.630.369.982	14.637.742.110
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.288.085.226	23.970.511.486
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>24.288.085.226</i>	<i>23.970.511.486</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		179.697.657.761	182.002.935.809

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2019



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39.242.143.910	36.590.345.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.242.143.910	36.590.345.030
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.551.063.251	5.814.928.680
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.691.080.659	30.775.416.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	532.520.331	711.205.186
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.912.768.959	4.085.757.865
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.912.768.959	4.085.757.865
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.548.697.908	2.153.335.791
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.762.134.123	25.247.527.880
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	177.472.727	-
13. Lợi nhuận khác	40		(177.472.727)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.584.661.396	25.247.527.880
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.296.576.170	1.277.016.394
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.288.085.226	23.970.511.486
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	2.184	2.156
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	2.184	2.156

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2019

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốcMAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởngMAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.584.661.396	25.247.527.880
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.144.350.011	5.144.350.011
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII	(532.520.331)	(711.205.186)
- Chi phí lãi vay	06		2.912.768.959	4.085.757.865
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.109.260.035	33.766.430.570
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.572.007.648	(1.775.059.544)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.840.859.910	(86.852.255)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.506.923.044)	11.479.641
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.912.768.959)	(4.085.757.865)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.587.332.723)	(1.185.693.167)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(490.036.000)	(452.404.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.025.066.867	26.192.143.380
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		236.345.183	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.500.000.000)	(6.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	502.056.446	778.087.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(761.598.371)	4.278.087.408
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.400.000.000)	(11.600.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.251.439.317)	(16.877.469.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.651.439.317)	(28.477.469.258)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.387.970.821)	1.992.761.530
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.300.329.460	12.307.567.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.912.358.639	14.300.329.460



Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2019

PHẠM VĂN THÀNH
 Giám đốc


MAI QUANG CƯỜNG
 Kế toán trưởng


MAI QUANG CƯỜNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ hai số 4100694020 vào ngày 04 tháng 7 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT – Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi đến lần thứ hai ngày 05 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 10.792.275 cổ phiếu niêm yết tương ứng 107.922.750.000 VND. Ngày 23 tháng 9 năm 2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Hà Nội với mã chứng khoán là QSP.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 26 tháng 3 năm 2012.

- **Vốn điều lệ** : 107.922.750.000 VND
- Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	16,68%
2	Cổ đông khác	8.992.275	89.922.750.000	83,32%
	Cộng	10.792.275	107.922.750.000	100,00%

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 56) 3 893 239

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Fax : (84 – 56) 3 893 888

Mã số thuế : 4 1 0 0 6 9 4 0 2 0

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);

Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 09 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 09 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 10 (mười) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền cho thuê kho bãi, cho thuê cầu cảng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 – 40
Máy móc thiết bị	6

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến, chi phí mua dụng cụ văn phòng và dụng cụ sản xuất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến là chi phí phát sinh trong quá trình khảo sát, lập thiết kế, dự toán, chi phí xây dựng, tiền thuê khu vực biển... và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền mặt	30.424.062	35.362.906
Tiền gửi ngân hàng	31.934.577	64.966.554
Các khoản tương đương tiền (i)	8.850.000.000	14.200.000.000
Cộng	8.912.358.639	14.300.329.460

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 4,5%/năm đến 5%/năm (năm 2017: 4,3%/năm đến 4,8%/năm)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	5.000.000.000	5.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000

(i) Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 6,2%/năm (năm 2017: 5,3%/năm)..

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.980.000.000	4.290.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	551.823.624	542.153.304
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	569.850.224	557.614.959
Cộng	3.101.673.848	5.389.768.263

Trong đó:

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.980.000.000	4.290.000.000
Cộng	1.980.000.000	4.290.000.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Huy Hoàng	44.490.000	44.490.000
Viện Cảng - Kỹ thuật hàng hải	25.500.000	25.500.000
Cộng	69.990.000	69.990.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	61.560.274	-	31.096.389	-
Cộng	61.560.274	-	31.096.389	-

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị	Cộng
	Nguyên giá			
01/01/2018	182.788.454.067		43.090.909	182.831.544.976
Tăng trong năm	-		-	-
Giảm trong năm	-		-	-
31/12/2018	182.788.454.067		43.090.909	182.831.544.976
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2018	24.961.617.179		16.075.467	24.977.692.646
Tăng trong năm	5.137.168.193		7.181.818	5.144.350.011
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>5.137.168.193</i>		<i>7.181.818</i>	<i>5.144.350.011</i>
Giảm trong năm	-		-	-
31/12/2018	30.098.785.372		23.257.285	30.122.042.657
Giá trị còn lại				
01/01/2018	157.826.836.888		27.015.442	157.853.852.330
31/12/2018	152.689.668.695		19.833.624	152.709.502.319

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tương ứng là 152.689.668.695 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 157.826.836.888 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến	-	-	58.872.456	58.872.456
Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc	32.620.909	32.620.909	32.620.909	32.620.909
Hạng mục công trình san lấp tạo bãi Đợt 2	300.423.755	300.423.755	300.423.755	300.423.755
Hạng mục Đầu tư mua sắm thiết bị cần trục trên bến	-	-	177.472.727	177.472.727
Cộng	333.044.664	333.044.664	569.389.847	569.389.847

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Chi phí dụng cụ văn phòng	-	2.370.691
Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến	9.509.293.735	-
Cộng	<u>9.509.293.735</u>	<u>2.370.691</u>

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	46.955.704	46.955.704	3.373.616	3.373.616
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	33.046.613	33.046.613	33.046.613	33.046.613
Công ty TNHH VTB Cửu Long	1.219.366.000	1.219.366.000	-	-
Cộng	<u>1.299.368.317</u>	<u>1.299.368.317</u>	<u>36.420.229</u>	<u>36.420.229</u>

Trong đó:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	46.955.704	3.373.616
Công ty TNHH VTB Cửu Long	1.219.366.000	-
Cộng	<u>1.266.321.704</u>	<u>3.373.616</u>

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	<u>01/01/2018</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2018</u>
Thuế GTGT hàng bán / dịch vụ cung cấp trong nước	680.029.116	2.893.020.703	2.644.786.299	928.263.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	320.816.489	1.296.576.170	1.587.332.723	30.059.936
Thuế thu nhập cá nhân	18.938.496	768.277.169	765.040.559	22.175.106
- <i>Phải nộp</i>	<i>19.109.212</i>	<i>768.277.169</i>	<i>764.976.993</i>	<i>22.409.388</i>
- <i>Phải thu sau quyết toán</i>	<i>(170.716)</i>	<i>-</i>	<i>63.566</i>	<i>(234.282)</i>
Tiền thuê đất	(283.976.799)	567.953.597	283.976.798	-
Các loại thuế khác	-	13.996.933	13.996.933	-
- <i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	<i>-</i>
- <i>Thuế đất phi nông nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>10.996.933</i>	<i>10.996.933</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>735.807.302</u>	<u>5.539.824.572</u>	<u>5.295.133.312</u>	<u>980.498.562</u>

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	284.147.515	234.282
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>1.019.954.817</u>	<u>980.732.844</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo các qui định hiện hành.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	124.800.000	114.000.000
Chi phí thực hiện báo cáo giám sát môi trường	6.969.000	-
Chi phí công trình	2.305.791.727	-
Cộng	<u>2.437.560.727</u>	<u>114.000.000</u>

12. Phải trả khác

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	103.863.203	86.040.309
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.122.211	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông (cổ đông chưa nhận)	102.240.992	86.040.309
Các khoản phải trả, phải nộp khác	500.000	-
b) Phải trả dài hạn khác	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TMDV Công Thành	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>403.863.203</u>	<u>386.040.309</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ tài chính	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả nợ vay	Kết chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12.400.000.000	12.400.000.000	-	12.400.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn (i)	12.400.000.000	12.400.000.000	-	12.400.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000	13.600.000.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.790.462.397	20.790.462.397	-	-	(13.600.000.000)	7.190.462.397	7.190.462.397
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn (i)	20.790.462.397	20.790.462.397	-	-	(13.600.000.000)	7.190.462.397	7.190.462.397
Cộng	33.190.462.397	33.190.462.397	-	12.400.000.000	-	20.790.462.397	20.790.462.397

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2009, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2012/BSHĐ ngày 22 tháng 11 năm 2012, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/BSHĐ ngày 10 tháng 7 năm 2013 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/2216452/SĐBS ngày 31 tháng 07 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 76.000.000.000 VND, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất 10%/năm (năm 2017: 10%/năm). Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số V.6).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	13.600.000.000	12.400.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	7.190.462.397	20.790.462.397
	20.790.462.397	33.190.462.397
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(13.600.000.000)	(12.400.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	7.190.462.397	20.790.462.397

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Tại ngày 01 tháng 01	568.315.552	346.143.843
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	707.130.089	674.575.709
Chi các quỹ	(490.036.000)	(452.404.000)
Tại ngày 31 tháng 12	785.409.641	568.315.552

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	107.922.750.000	9.690.853.575	22.485.856.979	140.099.460.554
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	23.970.511.486	23.970.511.486
Trích lập các quỹ	-	4.946.888.535	(5.621.464.244)	(674.575.709)
Chia cổ tức	-	-	(16.864.392.735)	(16.864.392.735)
31/12/2017	107.922.750.000	14.637.742.110	23.970.511.486	146.531.003.596
01/01/2018	107.922.750.000	14.637.742.110	23.970.511.486	146.531.003.596
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	24.288.085.226	24.288.085.226
Trích lập các quỹ	-	5.992.627.872	(6.699.757.961)	(707.130.089)
Chia cổ tức	-	-	(17.270.753.525)	(17.270.753.525)
31/12/2018	107.922.750.000	20.630.369.982	24.288.085.226	152.841.205.208

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100694020 ngày 04 tháng 07 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 2, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VND đã được góp đủ từ năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		31/12/2018	31/12/2017
	VND	%	VND	VND
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	16,68%	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	89.922.750.000	83,32%	89.922.750.000	89.922.750.000
Cộng	107.922.750.000	100,00%	107.922.750.000	107.922.750.000

Cổ phiếu

	31/12/2018	31/12/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2018 như sau:

	2018	2017
Chia cổ tức cho các cổ đông	17.270.753.525	16.864.392.735
Trích quỹ đầu tư phát triển	5.992.627.872	4.946.888.535
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	707.130.089	674.575.709
Cộng	23.970.511.486	22.485.856.979

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	2018	2017
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu khai thác cầu cảng	27.100.000.000	24.600.000.000
Doanh thu cho thuê bãi	12.142.143.910	11.990.345.030
Cộng	39.242.143.910	36.590.345.030
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	27.100.000.000	24.600.000.000
Cộng	27.100.000.000	24.600.000.000
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng	7.401.052.557	4.813.853.143
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi	1.150.010.694	1.001.075.537
Cộng	8.551.063.251	5.814.928.680
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	532.520.331	711.205.186
Cộng	532.520.331	711.205.186
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	2.912.768.959	4.085.757.865
Cộng	2.912.768.959	4.085.757.865
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.751.515.920	1.494.393.365
Chi phí nguyên vật liệu	20.938.271	10.323.636
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.188.873	7.705.090
Thuế, phí và lệ phí	130.405.840	76.732.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.383.624	136.229.008
Chi phí bằng tiền khác	489.265.380	427.952.192
Cộng	2.548.697.908	2.153.335.791
6. Chi phí khác		
Chi phí khác	177.472.727	-
Cộng	177.472.727	-

Bản Thuyết minh này là một phần hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2018	2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	25.584.661.396	25.247.527.880
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	346.862.000	292.800.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
<i>Thu nhập không chịu thuế khác</i>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	346.862.000	292.800.000
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>346.862.000</i>	<i>292.800.000</i>
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	25.931.523.396	25.540.327.880
Thuế suất áp dụng	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.593.152.340	2.554.032.788
Thuế được giảm	(1.296.576.170)	(1.277.016.394)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.296.576.170	1.277.016.394

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Năm 2018 là năm thứ 9 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 4 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.288.085.226	23.970.511.486
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(716.498.514)	(707.130.089)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.571.586.712	23.263.381.397
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.184	2.156

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quý khen thưởng, phúc lợi năm 2018 tạm trích 2,95% từ lợi nhuận sau thuế để xác định chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (tỷ lệ tạm trích như năm 2017).

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	2018	2017
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.288.085.226	23.970.511.486
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	(716.498.514)	(707.130.089)
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	23.571.586.712	23.263.381.397
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.970.511.486	22.485.856.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	10.792.275	10.792.275
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.184	2.156

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.750.284.864	23.945.095
Chi phí nhân công	1.751.515.920	1.494.393.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.144.350.011	5.144.350.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.344.984	877.623.808
Chi phí bằng tiền khác	489.265.380	427.952.192
Cộng	11.099.761.159	7.968.264.471

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2018	2017
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	61.560.274	31.096.389

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm nay	31.096.389	97.978.611

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	567.953.597	567.953.597
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.271.814.388	2.271.814.388
Sau 5 năm	20.421.172.343	20.989.125.940
Cộng	<u>23.260.940.328</u>	<u>23.828.893.925</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 121.560 m² đất bao gồm 12.761,5 m² đất chuyên dùng, 108.798,5 m² đất mặt nước theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 và 1.038,5 m² đất văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 thuộc Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn.

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	11.648.281.920	11.648.281.920
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	21.026.964.860	32.675.246.780
Sau 5 năm	-	-
Cộng	<u>32.675.246.780</u>	<u>44.323.528.700</u>

Khoản phải thu cho thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An thuê 22.366 m² đất theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyển dầm xuống tàu và Công ty TNHH Sản xuất Dầm gỗ Bình Định thuê 19.980 m² đất theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
Công ty TNHH VTB Cửu Long

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 16,68%)
Giám đốc Công ty TNHH VTB Cửu Long là thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
<i>Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn</i>		
Chia cổ tức	2.880.000.000	2.813.400.000
Doanh thu thuần khai thác cầu cảng	27.100.000.000	24.600.000.000
Tiền thuê nhà và tiền điện phải trả	<u>197.751.244</u>	<u>184.845.882</u>

Công ty TNHH VTB Cửu Long

Nợ vớt duy tu khu nước trước bến

9.804.878.182

-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
<i>Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn</i>		
Phải thu tiền cho khai thác cầu cảng	1.980.000.000	4.290.000.000
Phải trả tiền thuê nhà, tiền điện	<u>46.955.704</u>	<u>3.373.616</u>

Công ty TNHH VTB Cửu Long

Phải trả tiền nợ vớt duy tu khu nước trước bến

1.219.366.000

-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Tiền lương	674.670.756	595.348.743
Tiền thưởng	<u>220.950.000</u>	<u>206.552.000</u>

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Các khoản vay	20.790.462.397	33.190.462.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.912.358.639)	(14.300.329.460)
Nợ thuần	11.878.103.758	18.890.132.937
Vốn chủ sở hữu	152.841.205.208	146.531.003.596
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	8%	13%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.912.358.639	8.912.358.639	14.300.329.460	14.300.329.460
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải thu của khách hàng	3.101.673.848	3.101.673.848	5.389.768.263	5.389.768.263
Phải thu khác	61.560.274	61.560.274	31.096.389	31.096.389
Cộng	<u>17.075.592.761</u>	<u>17.075.592.761</u>	<u>23.221.194.112</u>	<u>23.221.194.112</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.299.368.317	1.299.368.317	36.420.229	36.420.229
Chi phí phải trả	2.437.560.727	2.437.560.727	114.000.000	114.000.000
Phải trả khác	403.863.203	403.863.203	386.040.309	386.040.309
Các khoản vay	20.790.462.397	20.790.462.397	33.190.462.397	33.190.462.397
Cộng	<u>24.931.254.644</u>	<u>24.931.254.644</u>	<u>33.726.922.935</u>	<u>33.726.922.935</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tài sản tài chính	5.000.000.000	3.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn)	5.000.000.000	3.500.000.000
Nợ phải trả tài chính	20.790.462.397	33.190.462.397
Các khoản vay	20.790.462.397	33.190.462.397
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	<u>(15.790.462.397)</u>	<u>(29.690.462.397)</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng là 1.579.046.240 VND (năm 2017: 2.969.046.240 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.912.358.639	-	8.912.358.639
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu của khách hàng	3.101.673.848	-	3.101.673.848
Phải thu khác	61.560.274	-	61.560.274
Cộng	17.075.592.761	-	17.075.592.761
Phải trả cho người bán	1.299.368.317	-	1.299.368.317
Chi phí phải trả	2.437.560.727	-	2.437.560.727
Phải trả khác	103.863.203	300.000.000	403.863.203
Các khoản vay	13.600.000.000	7.190.462.397	20.790.462.397
Cộng	17.440.792.247	7.490.462.397	24.931.254.644
Chênh lệch thanh khoản thuần	(365.199.486)	(7.490.462.397)	(7.855.661.883)
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.300.329.460	-	14.300.329.460
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Phải thu của khách hàng	5.389.768.263	-	5.389.768.263
Phải thu khác	31.096.389	-	31.096.389
Cộng	23.221.194.112	-	23.221.194.112

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	36.420.229	-	36.420.229
Chi phí phải trả	114.000.000	-	114.000.000
Phải trả khác	86.040.309	300.000.000	386.040.309
Các khoản vay	12.400.000.000	20.790.462.397	33.190.462.397
Cộng	12.636.460.538	21.090.462.397	33.726.922.935
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.584.733.574	(21.090.462.397)	(10.505.728.823)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2019



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính